TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ CÔNG TÂY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 264/2020/HNGĐ-ST
Ngày 20-8-2020
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Thanh Phú.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Trương Nguơn.

2. Bà Trần Thị Ngọc Hân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quí - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 174/2020/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2020 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 76/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 66/2020/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1987 (xin vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Chị Trần Thị Kim V, sinh năm 1979 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp K, xã Đ, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn ly hôn ngày 09/3/2020 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Văn L trình bày:

Anh và chị Trần Thị Kim V chung sống từ đầu năm 2016, do tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Gò Công Tây theo giấy chứng nhận kết hôn số 18 ngày 04/4/2016. Quá trình chung sống hạnh phúc thời gian đầu, nhưng sau đó giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do không cùng quan điểm

sống và anh chị đã sống ly thân từ đầu năm 2020 đến nay. Trong thời gian ly thân vợ chồng không tìm cách hàn gắn tình cảm. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên anh yêu cầu được ly hôn với chị V.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Kim Pha L, sinh ngày 12/5/2017, hiện đang sống chung với chị V. Ly hôn, anh L đồng ý giao con cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng; anh cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Ngoài ra không còn yêu cần gì khác.

* Bị đơn chị Trần Thị Kim V vắng mặt tại phiên tòa, tuy nhiên theo tờ tự khai và quá trình giải quyết vụ án chị V trình bày:

Thống nhất với lời khai của anh L về thời gian chung sống và giữa vợ chồng có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống hạnh phúc nhưng đến đầu năm 2020 thì giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh L có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nên vợ chồng đã sống ly thân đến nay. Trong thời gian ly thân vợ chồng không hàn gắn tình cảm. Anh L yêu cầu ly hôn chị không đồng ý vì chị vẫn còn tình cảm với anh L; chị muốn được đoàn tụ để cùng nuôi dạy con chung.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Kim Pha L, sinh ngày 12/5/2017, hiện đang sống chung với chị. Ly hôn, chị V yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu Pha L và yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Ngoài ra không còn yêu cần gì khác.

* Ý kiến của Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Quá trình thụ lý và xét xử vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nên không kiến nghị gì về tố tụng.

Về nội dung: Chị V thừa nhận giữa vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn dẫn đến sống ly thân từ đầu năm 2020 đến nay. Chị V không đồng ý ly hôn nhưng trong thời gian ly thân chị không hàn gắn tình cảm; cũng không tham dự phiên tòa thể hiện chị cũng không quan tâm lắm đến việc hàn gắn tình cảm vợ chồng. Qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cho thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng đã đến mức trầm trọng; đối với con chung hiện sống với mẹ nên đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn. Anh L tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn anh Nguyễn Văn L yêu cầu ly hôn với chị Trần Thị Kim V nên đây là tranh chấp "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chị Trần Thị Kim V có nơi cư trú tại ấp K, xã Đ, huyện G nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang theo điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Anh Nguyễn Văn L có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa; chị Trần Thị Kim V đã được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh L, chị V.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn L và chị Trần Thị Kim V chung sống trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã B cấp giấy chứng nhận kết hôn số 18 ngày 04/4/2016 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Quá trình chung sống, giữa anh L và chị V xãy ra mâu thuẫn kéo dài không tự hàn gắn được; anh L yêu cầu được ly hôn, chị V không đồng ý.

Tuy nhiên trong quá trình tố tụng, chị V thừa nhận giữa chị và anh L có xảy ra mâu thuẫn dẫn đến sống ly thân từ đầu năm 2020 đến nay, trong thời gian ly thân vợ chồng không tìm cách hàn gắn tình cảm; chị V cũng không đưa ra được biện pháp gì để cải thiện tình hình mâu thuẫn giữa hai bên. Tòa án đã nhiều lần triệu tập để hòa giải nhằm hàn gắn tình cảm giữa hai bên nhưng chị V chỉ tham dự hòa giải 01 lần, cũng không tham dự phiên tòa, điều đó chứng tỏ chị V chẳng quan tâm lắm đến việc hàn gắn tình cảm vợ chồng. Thấy rằng, giữa L và chị V không có sự quan tâm, chăm sóc, giúp đở nhau; cùng nhau chia sẽ, thực hiện các công việc trong gia đình, nên cần xác định tình trạng mâu thuẫn giữa anh chị đã trầm trọng, hạnh phúc hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Văn L là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Văn L và chị Trần Thị Kim V có 01 con chung chưa thành niên tên Nguyễn Kim Pha L; anh L đồng ý giao con chung cho chị V tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

Tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình quy định: *"Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của con; …".*

Chị V vắng mặt tại phiên tòa, tuy nhiên tại Biên bản hòa giải ngày 01/7/2020 (BL: 32) chị V có ý kiến là trường hợp phải ly hôn thì chị đồng ý trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Theo biên bản xác minh ngày 23/6/2020 (BL: 27) của Tòa án đối với chính quyền địa phương nơi chị V cư trú thì cháu Pha L hiện đang sống chung với chị V. Thấy rằng, sự thỏa thuận giữa anh L và chị V về việc nuôi

con chung là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật; đồng thời để tạo điều kiện thuận lợi, đảm bảo sự phát triển bình thường cho cháu nên Hội đồng xét xử giao cháu Pha L cho chị V được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh L tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp nhằm tạo điều kiện về vật chất để cháu Pha L được chăm sóc, nuôi dưỡng tốt hơn nên ghi nhận. Mức cấp dưỡng nuôi cháu Pha L mỗi tháng bằng ½ mức lương tối thiểu do nhà nước quy định (thời điểm hiện tại tương đương 745.000 đồng/tháng); thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ khi án có hiệu L pháp luật đến khi Pha L đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

[5] Về chia tài sản, nợ chung: Anh Nguyễn Văn L, chị Trần Thị Kim V không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[6] Về án phí: Anh Nguyễn Văn L là nguyên đơn trong vụ án ly hôn và có nghĩa vụ cấp dưỡng nên phải chịu án phí không có giá ngạch đối với yêu cầu ly hôn và án phí không có giá ngạch đối với nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 và tiểu mục 1.1 mục 1 phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Về ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 1 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn L.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Nguyễn Văn L được ly hôn với chị Trần Thị Kim V.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Kim Pha L, sinh ngày 12/5/2017 cho chị Trần Thị Kim V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh Nguyễn Văn L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Kim Pha L hàng tháng, mỗi tháng bằng ½ mức lương tối thiểu do nhà nước quy định (thời điểm hiện tại là 745.000 đồng/tháng); thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ khi án có hiệu L pháp luật đến khi cháu Pha L đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Anh Nguyễn Văn L có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở.

2. Về án phí:

- Anh Nguyễn Văn L phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng và tiền án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0016558 ngày 08/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Tây, như vậy anh L còn phải nộp tiếp 300.000 đồng.

- Chị Trần Thị Kim V không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về nghĩa vụ thi hành án:

- Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) và kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

- Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tống đạt bản án hoặc niêm yết công khai bản án, anh Nguyễn Văn L và chị Trần Thị Kim V được quyền kháng cáo bản án đến Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Gò Công Tây;
- Chi cục THADS huyện Gò Công Tây;
- UBND xã B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thanh Phú